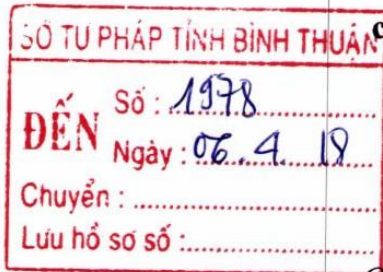


NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí

**cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà,
tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA X - KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Xét Tờ trình số 349/TTr-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận); chứng nhận đăng ký biến động về đất đai; trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người nộp lệ phí:

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động về đất đai; trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính.

b) Tổ chức thu lệ phí:

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh tại các huyện, thị xã, thành phố.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động về đất đai; trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính.

3. Đối tượng miễn thu lệ phí:

a) Hộ nghèo, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10/12/2009) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.

c) Khi thực hiện đăng ký biến động, chỉnh lý Giấy chứng nhận trong trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng công trình công cộng.

4. Mức thu lệ phí:

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu		
			Cấp Giấy chứng nhận (CN)		Công việc địa chính khác
			Giấy CN chỉ có QSDĐ	Giấy CN QSDĐ, QSHN, tài sản gắn liền với đất	
I	Cấp lần đầu (cấp mới) Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất				
1	Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	Đồng/Giấy	100.000	500.000	

2	Cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất tại các phường thị xã Lagi và thành phố Phan Thiết.	Đồng/Giấy	26.000	100.000	
3	Cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất tại các xã, thị trấn thuộc huyện và các xã thuộc thị xã Lagi và thành phố Phan Thiết.	Đồng/Giấy	13.000	50.000	
II Cấp đổi, cấp lại, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận					
1	Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	Đồng/Giấy	50.000	50.000	
2	Cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất tại các phường thị xã Lagi và thành phố Phan Thiết.	Đồng/Giấy	20.000	50.000	
3	Cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất tại các xã, thị trấn thuộc huyện và các xã thuộc thị xã Lagi và thành phố Phan Thiết.	Đồng/Giấy	10.000	25.000	
III Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai					
1	Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	Đồng/lần			30.000
2	Cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất tại các phường thị xã Lagi và thành phố Phan Thiết.	Đồng/lần			28.000

3	Cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân có đất tại các xã, thị trấn thuộc huyện và các xã thuộc thị xã Lagi và thành phố Phan Thiết	Đồng/lần			14.000
IV Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính					
1	Tổ chức	Đồng/lần			30.000
2	Hộ gia đình, cá nhân	Đồng/lần			15.000

5. Chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thu được:

a) Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thu bằng tiền Việt Nam. Người nộp lệ phí thực hiện nộp lệ phí một lần khi nhận Giấy chứng nhận hoặc khi nộp hồ sơ thực hiện công việc chứng nhận đăng ký biến động về đất đai; trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính tại cơ quan có thẩm quyền.

b) Cơ quan thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục Ngân sách hiện hành.

c) Kê khai, nộp phí:

- Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu lệ phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

- Tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai lệ phí theo tháng và quyết toán phí theo năm theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Phí và lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Hàng năm, căn cứ vào số thu, các chi phí phát sinh năm trước liền kề và ước thực hiện năm kế hoạch, tổ chức thu lập dự toán chi cho công tác thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận tổng hợp vào dự toán của đơn vị, gửi cơ quan tài chính thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt phân bổ theo chế độ, định mức quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp bất thường thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2018, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 4 năm 2018 và thay thế nội dung tại số thứ tự 3 Mục B Phụ lục Danh mục mức thu tối đa các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/2014/NQ-HĐND ngày 08/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban công tác Đại biểu Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu VT, (TH.09) T.Duy.

160



CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng